

Số: 1238/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 5 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH ĐỊNH CHÍNH**

Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Aquacity tại xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa

Xét Tờ trình số 102/TT-SXD ngày 17/4/2012 của Sở Xây dựng; Do sơ suất trong khâu soạn thảo văn bản, UBND tỉnh Đồng Nai đính chính một số sai sót trong Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Aquacity tại xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa như sau:

1. Tại mục a, khoản 4, Điều 1:

\* Nội dung đã ghi:

**Quy hoạch sử dụng đất**

Stt	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	1.373.755,9	45,04
	Chung cư Nhà liền kề phố Nhà liền kề sân vườn Nhà ở song lập Biệt thự	364.690,5 12.069,3 126.040,6 98.101,0 772.854,5	
2	Đất dịch vụ đô thị	247.412,7	8,84
	Hành chính Văn hóa Giáo dục Y tế Thương mại dịch vụ	7.327,0 6.738,0 88.866,0 12.681,0 131.800,7	
3	Đất cây xanh, mặt nước, TĐT	559.476,0	19,98
	Cây xanh khu ở Quảng trường trung tâm Cây xanh cảnh quan ven sông, cách ly Mặt nước	154.858,4 26.423,0 287.864,9 90.329,7	
4	Đất giao thông	850.140,4	30,36
5	Đất dân môi hạ tầng kỹ thuật	16.070,0	0,57
	Khu xử lý nước thải Trạm bơm tăng áp cấp nước Trạm viễn thông BTS	11.682,0 3.738,0 650,0	
6	Đất khác	3.145,0	0,10
	Đất công trình tôn giáo (đình Phúc Châu - cải tạo chính trang)	3.145,0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.050.000</b>	<b>100</b>



\* Nay sửa lại là:

### Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	1.373.755,9	45,04
	Chung cư	364.690,5	
	Nhà liên kế phố	12.069,3	
	Nhà liên kế sân vườn	126.040,6	
	Nhà ở song lập	98.101,0	
	Biệt thự	772.854,5	
2	Đất dịch vụ đô thị	247.412,7	8,11
	Hành chính	7.327,0	
	Văn hóa	6.738,0	
	Giáo dục	88.866,0	
	Y tế	12.681,0	
	Thương mại dịch vụ	131.800,7	
3	Đất cây xanh, mặt nước, TĐTT	559.476,0	18,34
	Cây xanh khu ở	154.858,4	
	Quảng trường trung tâm	26.423,0	
	Cây xanh cảnh quan ven sông, cách ly	287.864,9	
	Mặt nước	90.329,7	
4	Đất giao thông	850.140,4	27,87
5	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	16.070,0	0,53
	Khu xử lý nước thải	11.682,0	
	Trạm bơm tăng áp cấp nước	3.738,0	
	Trạm viễn thông BTS	650,0	
6	Đất khác	3.145,0	0,11
	Đất công trình tôn giáo (đình Phúc Châu - cải tạo chính trang)	3.145,0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.050.000</b>	<b>100</b>

#### 2. Tại mục b, khoản 4, Điều 1:

\* Nội dung đã ghi:

- Đất dịch vụ đô thị: Gồm các công trình hành chính, y tế, văn hóa, giáo dục và thương mại dịch vụ. Quy mô diện tích 247.412,7 m<sup>2</sup>, chiếm 8,84% diện tích đất toàn khu.

- Đất cây xanh, mặt nước, TĐTT: Gồm các khu công viên cây xanh kết hợp TĐTT, cây xanh nhóm ở, cây xanh cảnh quan ven sông; cây xanh cách ly kết hợp mặt nước tự nhiên; mặt nước kênh đào nhằm tạo vi khí hậu, môi trường cảnh quan sinh thái cho đô thị. Tổng diện tích cây xanh trong toàn khu quy mô 559.476 m<sup>2</sup>, chiếm 19,98%.

- Đất giao thông: Gồm các trục đường giao thông đối ngoại, đối nội, bãi đậu xe, trạm dừng xe buýt. Diện tích 850.140,4 m<sup>2</sup>, chiếm 30,36% diện tích đất toàn khu.

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Gồm trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn khu; trạm bơm tăng áp cấp nước và các trạm viễn thông BTS. Diện tích 16.070 m<sup>2</sup>, chiếm 0,37% diện tích đất toàn khu.



\* Nội dung sửa lại là:

- Đất dịch vụ đô thị: Gồm các công trình hành chính, y tế, văn hóa, giáo dục và thương mại dịch vụ. Quy mô diện tích 247.412,7 m<sup>2</sup>, chiếm 8,11% diện tích đất toàn khu.

- Đất cây xanh, mặt nước, TDTT: Gồm các khu công viên cây xanh kết hợp TDTT, cây xanh nhóm ở, cây xanh cảnh quan ven sông; cây xanh cách ly kết hợp mặt nước tự nhiên, mặt nước kênh đào nhằm tạo vi khí hậu, môi trường cảnh quan sinh thái cho đô thị. Tổng diện tích cây xanh trong toàn khu quy mô 559.476 m<sup>2</sup>, chiếm 18,34%.

- Đất giao thông: Gồm các trục đường giao thông đối ngoại, đối nội, bãi đậu xe, trạm dừng xe buýt. Diện tích 850.140,4 m<sup>2</sup>, chiếm 27,87% diện tích đất toàn khu.

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Gồm trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn khu, trạm bơm tăng áp cấp nước và các trạm viễn thông BTS. Diện tích 16.070 m<sup>2</sup>, chiếm 0,53% diện tích đất toàn khu.

Quyết định này là một bộ phận cấu thành của Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Sở: XD, KHĐT, TNMT, TC, GTVT, CT, TT & TT;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Long Hưng;
- Công ty cổ phần thành phố Aqua;
- Chánh, Phó Văn phòng (GNN);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Mỹ Thanh